

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

THÔNG BÁO XÉT TUYỂN NGUYỄN VỌNG BỔ SUNG NĂM 2015

- Trường xét tuyển thí sinh trong cả nước dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia năm 2015; thí sinh học các ngành sư phạm có hộ khẩu tại Hà Tĩnh được miễn học phí.

Riêng đào tạo nhân lực cho Khu kinh tế Vũng Áng chỉ xét tuyển thí sinh có hộ khẩu tại Hà Tĩnh, Nghệ An và Quảng Bình. Học tại Trường Đại học Hà Tĩnh 3 học kỳ, thời gian còn lại học tại các trường đại học ở Hà Nội hoặc Đà Nẵng, với các ưu đãi: *Hỗ trợ kinh phí đào tạo ngoài học phí; được ưu tiên nhận làm việc tại Khu kinh tế Vũng Áng sau khi tốt nghiệp; sinh viên có hộ khẩu tại Hà Tĩnh: được giảm 50% học phí, được hỗ trợ 100% tiền ở ký túc xá, được hỗ trợ lãi suất 0,5% vay vốn phục vụ học tập.*

- **Hồ sơ:** Bản photo Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia năm 2015; 1 phong bì dán tem có ghi địa chỉ người nhận là địa chỉ của thí sinh. Khi trúng tuyển, thí sinh mang Giấy chứng nhận kết quả thi THPT Quốc gia năm 2015 gốc để nhập học.

- **Lệ phí:** 30 000 đồng.

- **Nhận hồ sơ:** Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển tại Sở Giáo dục & Đào tạo hoặc trường THPT do Sở Giáo dục & Đào tạo quy định hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trường theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hà Tĩnh, số 447, đường 26-3, phường Đại Nài, TP Hà Tĩnh.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** từ ngày 11/9/2015 đến 21/9/2015.

- **Liên hệ:** 0393 885 284; 0916955501; 0916510818. Website: <http://www.htu.edu.vn>

TT	Các ngành đào tạo chính quy	Mã ngành	Nhóm môn xét tuyển (Xét tổ hợp 3 môn)	Điểm XT	Chỉ tiêu
1. Đại học					
1	Giáo dục Chính trị	D140205	C00: Văn, Sử, Địa; C03: Văn, Toán, Sử; C04: Văn, Toán, Địa; D01: Văn, Toán, Anh.	15.0	40
2	Sư phạm Toán	D140209	A00: TOÁN, Lý, Hóa; A01: TOÁN, Lý, Anh; D07: TOÁN, Hóa, Anh.	16.25	10
3	Sư phạm Tiếng Anh	D140231	A01: ANH, Toán, Văn; D09: ANH, Toán, Sử; D14: ANH, Văn, Sử.	16.25	15
4	QTDV Du lịch và Lễ hành	D340103	D14: Anh, Văn, Sử; D15: Anh, Văn, Địa; D01: Anh, Văn, Toán.	15.0	35
5	Kế toán	D340301	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.	15.0	40
6	Tài chính - Ngân hàng	D340201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.	15.0	40
7	KT công trình xây dựng (Đào tạo Kỹ sư Xây dựng)	D580201	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh.	15.0	40
8	Luật	D380101	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Văn, Anh; C03: Văn, Toán, Sử.	15.0	30
9	Ngôn ngữ Anh	D220201	D01: ANH, Toán, Văn; D09: ANH, Toán, Sử; D14: ANH, Văn, Sử.	16.25	20
2. Cao đẳng					
1	Giáo dục Mầm non	C140201	M00: Toán, Văn, NĂNG KHIẾU (Kể chuyện, Hát).	19.5	10
2	Giáo dục Tiểu học	C140202	C01: Toán, Văn, Lý; D01: Toán, Văn, Anh; C03: Toán, Văn, Sử; C04: Toán, Văn, Địa.	12.0	20
3	Kế toán	C340301	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.	12.0	50
3. Liên kết đào tạo đại học cho khu kinh tế Vũng Áng					
Cơ sở liên kết đào tạo và cấp bằng TN	Ngành đào tạo	Mã ngành	Nhóm môn xét tuyển (Xét tổ hợp 3 môn)	Điểm XT	Chỉ tiêu
ĐH Bách Khoa Hà Nội	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	A00: TOÁN, Lý, Hóa; A01: TOÁN, Lý, Anh.	19.25	10
	Kỹ thuật cơ khí	D520103	A00: TOÁN, Lý, Hóa; A01: TOÁN, Lý, Anh.	19.25	30
ĐH Bách Khoa Đà Nẵng	Công nghệ chế tạo máy	D510202	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh.	15.0	20
	Kỹ thuật cơ khí	D520103	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh.	15.0	25
ĐH Điện Lực	CNKT điều khiển tự động hóa	D510303	A00: Toán, Lý, Hóa; A01: Toán, Lý, Anh; D07: Toán, Hóa, Anh.	15.0	10
ĐH Xây dựng	Cấp thoát nước	D110104	A00: TOÁN, Lý, Hóa.	16.25	30

ĐH Hà Tĩnh	Khoa học Môi trường	D440301	A00:Toán,Hóa,Lý; B00:Toán,Hóa,Sinh; D07:Toán,Hóa,Anh	15.0	15
	Công nghệ Thông tin	D480201	A00:Toán,Lý,Hóa; A01:Toán,Lý,Anh; D01:Toán,Văn,Anh.	15.0	35
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103	D14:Anh,Văn,Sử; D15:Anh,Văn,Địa; D01:Anh,Văn,Toán.	15.0	35
	Kỹ thuật công trình xây dựng	D580201	A00:Toán,Lý,Hóa; A01:Toán,Lý,Anh.	15.0	40
	Ngôn ngữ Trung Quốc	D220204	D01:Toán,Văn,Anh; D04:Toán,Văn,Trung.	15.0	10

Lưu ý: Môn thi viết chữ **IN HOA** là môn chính nhân hệ số 2.

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH**



TS. Cao Thành Lê

TT	Các ngành xét tuyển	Điểm XT	Chi tiết
1. Đại học			
1	Giáo dục Chính trị	15.0	40
2	Sư phạm Toán	15.0	10
3	Sư phạm Tiếng Anh	15.0	12
4	GDVN Đa văn hóa và bản địa	15.0	32
5	Kỹ thuật	15.0	40
6	Tài chính - Ngân hàng	15.0	40
7	Kỹ thuật công trình xây dựng (Giao tạo Kỹ sư xây dựng)	15.0	40
8	Luật	15.0	30
9	Ngôn ngữ Anh	15.0	20
2. Cao đẳng			
1	Giáo dục Mầm non	15.0	10
2	Giáo dục Tiểu học	15.0	20
3	Kỹ thuật	15.0	20
3. Liên kết đào tạo đại học cho khu kinh tế Vũng Áng			
Cơ sở liên kết đào tạo và cấp bằng TN			
BH Bách Khoa Hà Nội	Kỹ thuật Điện tử	D220103	A00:TOÁN,Lý,Hóa;A01:TOÁN,Lý,Anh. 15.0 30
BH Bách Khoa Hà Nội	Kỹ thuật Cơ khí	D220103	A00:TOÁN,Lý,Hóa;A01:TOÁN,Lý,Anh. 15.0 30
BH Bách Khoa Hà Nội	Kỹ thuật Công nghệ chế tạo máy	D220103	A00:TOÁN,Lý,Hóa;A01:TOÁN,Lý,Anh. 15.0 30
BH Bách Khoa Hà Nội	Kỹ thuật Kiến trúc	D220103	A00:TOÁN,Lý,Hóa;A01:TOÁN,Lý,Anh. 15.0 30
BH Xây dựng	Cấp thoát nước	D110104	A00:TOÁN,Lý,Hóa. 15.0 30